TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TỔNG HỢP ĐIỂM THÍ SINH DỰ THI CHỨNG CHỈ QUỐC GIA ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Khóa ngày: 25/08/2024

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
1	000013661	Trần Nhân	Ái	27/02/2003	TP HCM	9.0	8.5	Đạt	
2	000013662	Võ Thị Diệu	An	26/03/2003	TP HCM	7.0	9.0	Đạt	
3	000013663	Trần Ngọc Vân	Anh	20/10/2004	Đồng Tháp	7.0	6.5	Đạt	
4	000013664	Phạm Nguyễn Phương	Anh	09/01/2004	Vĩnh Long	7.0	8.5	Đạt	
5	000013665	Huỳnh Ngọc Tâm	Anh	05/01/2005	Bến Tre	9.0	8.5	Đạt	
6	000013666	Đỗ Việt Quỳnh	Anh	02/12/2004	Đồng Nai	8.5	9.0	Đạt	
7	000013667	Phạm Thị Ngọc	Ánh	15/04/2004	Quảng Trị	8.0	8.0	Đạt	
8	000013668	Lê Nguyễn Mỹ	Ánh	07/11/2003	TP HCM	10.0	8.0	Đạt	
9	000013669	Đậu Đức	Bách	26/11/2004	Nghệ An	7.5	7.5	Đạt	
10	000013670	Bùi Thị Hồng	Cẩm	11/09/2003	Bến Tre			Hỏng	Vắng
11	000013671	Tạ Thị	Chăm	16/02/2003	TP HCM	8.5	7.5	Đạt	
12	000013672	Hồ Thị Bảo	Châu	10/12/2004	An Giang	8.5	8.5	Đạt	
13	000013673	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	25/12/2002	Quảng Ngãi	6.0	4.0	Hỏng	
14	000013674	Nguyễn Thị Kim	Dung	29/09/2005	Tiền Giang	7.0	2.5	Hỏng	
15	000013675	Phạm Thị Mỹ	Dung	27/01/2005	Tiền Giang	9.0	7.0	Đạt	
16	000013676	Nguyễn Nhật	Duy	25/03/2003	Tiền Giang	9.5	9.0	Đạt	
17	000013677	Mai Thị Mỹ	Duyên	20/05/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	9.5	9.0	Đạt	
18	000013678	Hà Mỹ	Duyên	03/03/2005	TP HCM	8.0	9.0	Đạt	
19	000013679	Vòng Ngọc Mỹ	Duyên	22/09/2004	TP HCM	7.0	8.5	Đạt	
20	000013680	Đặng Ngọc Thuỳ	Dương	04/10/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	9.5	9.0	Đạt	
21	000013681	Nguyễn Thị Thùy	Dương	20/12/2004	Tiền Giang	9.5	5.0	Đạt	
22	000013682	Mai Thành	Đạt	03/07/2004	TP HCM	9.0	5.0	Đạt	
23	000013683	Lưu Nữ Kim	Đoạn	15/01/2001	Bình Thuận	6.0	5.5	Đạt	
24	000013684	Phạm Thanh	Giao	08/02/1999	Bình Dương	9.5	9.0	Đạt	
25	000013685	Nguyễn Thanh	Giàu	14/04/2004	Đồng Tháp	9.5	6.5	Đạt	
26	000013686	Trần Ngọc	Hà	17/06/2002	TP HCM	9.0	9.0	Đạt	
27	000013687	Lê Nguyễn Cát	Hạ	26/09/2003	Đồng Nai	8.5	6.0	Đạt	
28	000013688	Huỳnh Thị Hồng	Hạnh	08/03/2004	Long An	8.0	8.5	Đạt	
29	000013689	Trần Thị Bảo	Hạnh	04/08/2004	An Giang	8.0	6.5	Đạt	
30	000013690	Lê Minh	Hào	23/11/2004	Đắk Lắk	8.5	7.0	Đạt	
31	000013691	Trần Gia	Hân	20/10/2004	Bình Thuận	9.5	7.5	Đạt	
32	000013692	Ngô Ngọc	Hân	26/10/2004	Bình Phước	8.0	9.0	Đạt	

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
33	000013693	Nguyễn Trung	Hậu	13/09/2004	Bến Tre	8.0	9.0	Đạt	
34	000013694	Quảng Thị Mỹ	Hậu	13/06/2004	Bình Định	9.0	7.5	Đạt	
35	000013695	Huỳnh Phúc	Hậu	12/01/2003	Bạc Liêu	8.0	9.0	Đạt	
36	000013696	Lê Ngọc	Hiền	19/04/2004	TP HCM	6.5	6.0	Đạt	
37	000013697	Phạm Trần Hoàng	Hiếu	14/02/2002	TP HCM	7.5	7.5	Đạt	
38	000013698	Trần Thị Quỳnh	Hoa	17/04/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	7.0	6.5	Đạt	
39	000013699	Lâm Minh	Hoàng	09/11/2002	TP HCM	6.0	9.0	Đạt	
40	000013700	Phạm Ngọc Huy	Hoàng	21/01/2004	TP HCM	8.0	9.0	Đạt	
41	000013701	Võ Minh	Hoàng	29/01/2004	Long An	8.0	6.0	Đạt	
42	000013702	Trần Duy	Hoàng	30/04/2004	Bình Phước	7.5	8.0	Đạt	
43	000013703	Trương Phương	Huyền	01/02/2004	Phú Yên	7.0	5.5	Đạt	
44	000013704	Đỗ Tiến	Hưng	05/09/2004	Bình Định	7.0	6.0	Đạt	
45	000013705	Nguyễn Kim	Hương	25/07/2004	TP HCM	8.0	6.0	Đạt	
46	000013706	Cao Thị Thanh	Hương	07/05/2002	TP HCM	6.5	6.5	Đạt	
47	000013707	Hoàng Đăng	Khoa	11/07/2003	TP HCM	8.0	9.0	Đạt	
48	000013708	Hoàng Trọng	Khoa	06/11/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	6.5	9.0	Đạt	
49	000013709	Hoàng Trọng	Khôi	10/10/2004	Gia Lai	8.0	9.0	Đạt	
50	000013710	Lê Thị Trường	Khuyến	10/04/2003	Long An	9.0	8.5	Đạt	
51	000013711	Bùi Thị Kim	Liên	06/02/2003	Kiên Giang	8.0	8.0	Đạt	
52	000013712	Lê Thị Ngọc	Liên	09/06/2003	Long An	7.5	6.5	Đạt	
53	000013713	Nguyễn Hoàng Mỹ	Linh	05/12/2004	Bến Tre	5.5	6.0	Đạt	
54	000013714	Phan Lê Thùy	Linh	08/07/2004	Bình Định	8.5	8.5	Đạt	
55	000013715	Nguyễn Thị Yến	Linh	07/06/2004	Tiền Giang	7.0	7.0	Đạt	
56	000013716	Lê Huỳnh	Long	04/06/2004	An Giang	6.0	7.0	Đạt	
57	000013717	Nguyễn Tấn	Lộc	20/05/2005	Long An	8.0	8.5	Đạt	
58	000013718	Bùi Thị Phương	Ly	02/03/2004	Long An	6.5	8.5	Đạt	
59	000013719	Nguyễn Thị	Mai	13/05/2001	Bắc Ninh	10.0	7.0	Đạt	
60	000013720	Dương Huỳnh Thanh	Mai	25/10/2004	TP HCM	9.0	5.0	Đạt	
61	000013721	Trần Gia	Mẫn	07/04/2005	Tiền Giang	5.5	6.0	Đạt	
62	000013722	Nguyễn Vũ Trà	My	17/07/2004	Bình Định	7.5	7.0	Đạt	
63	000013723	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	06/03/2002	Bình Định	5.0	5.5	Đạt	
64	000013724	Thiều Thị Bích	Nga	08/11/2004	Bình Thuận	6.5	8.0	Đạt	
65	000013725	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	25/08/2004	Ninh Thuận	7.5	7.0	Đạt	
66	000013726	Phan Ngọc Trúc	Ngân	25/06/2004	Long An	8.0	8.5	Đạt	
67	000013727	Thái Thị Thuý	Ngân	12/10/2004	Tiền Giang	7.0	6.5	Đạt	
68	000013728	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	01/04/2005	Đồng Nai	6.5	7.5	Đạt	
69	000013729	Trần Thị Thanh	Ngân	19/10/2002	TP HCM	6.5	5.5	Đạt	
70	000013730	Nguyễn Thị Kim	Ngân	17/12/2001	TP HCM	8.0	4.0	Hỏng	

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
71	000013731	Trương Thị Kim	Ngân	14/11/2004	Tiền Giang	6.5	9.0	Đạt	
72	000013732	Bùi Thị Bảo	Nghi	13/03/2004	Bình Phước	7.5	8.5	Đạt	
73	000013733	Trần Trung	Nghĩa	08/01/2001	Bình Thuận	9.5	8.0	Đạt	
74	000013734	Trần Nguyễn Hồng	Ngọc	10/04/2004	TP HCM	5.5	4.0	Hỏng	
75	000013735	Bùi Dương Kim	Ngọc	22/09/2005	Bến Tre	8.0	7.0	Đạt	
76	000013736	Nguyễn Hồng	Nguyên	18/07/2004	Tây Ninh	8.5	8.5	Đạt	
77	000013737	Dương Đỗ Tuấn	Nhật	10/05/2004	Nghệ An	8.5	5.5	Đạt	
78	000013738	Phạm Lê Yến	Nhi	05/11/2004	Tiền Giang	5.5	6.5	Đạt	
79	000013739	Nguyễn Thị Yến	Nhi	24/05/2004	Đắk Lắk	8.5	9.0	Đạt	
80	000013740	Ngô Phương	Nhi	26/02/2004	TP HCM	10.0	9.0	Đạt	
81	000013741	Nguyễn Thị Yến	Nhi	01/03/2004	TP HCM	7.0	9.0	Đạt	
82	000013742	Trịnh Thảo	Nhiên	05/09/2002	Bình Thuận	6.5	8.5	Đạt	
83	000013743	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	09/02/2004	TP HCM	7.0	9.0	Đạt	
84	000013744	Trần Thị Quỳnh	Như	09/07/2002	Tây Ninh	9.0	9.0	Đạt	
85	000013745	Trần Phan Thùy	Như	25/06/2003	TP HCM	8.0	5.5	Đạt	
86	000013746	Nguyễn Thị Thuỳ	Oanh	08/05/2001	Bình Thuận	6.5	8.5	Đạt	
87	000013747	Phạm Tấn	Phát	11/06/2004	TP HCM	7.5	8.5	Đạt	
88	000013748	Phạm Đình	Phong	22/05/2004	Bình Định	9.5	7.0	Đạt	
89	000013749	Lý Chấn	Phong	17/12/2003	TP HCM	7.5	9.0	Đạt	
90	000013750	Nguyễn Ngọc Hồng	Phương	24/06/2004	Long An	8.0	9.0	Đạt	
91	000013751	Lưu Thị	Phương	11/10/2004	Kiên Giang	8.0	9.0	Đạt	
92	000013752	Kiều Thị Diễm	Quyên	25/05/2004	Long An	5.0	5.5	Đạt	
93	000013753	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	10/11/2004	Long An	7.5	6.0	Đạt	
94	000013754	Lê Thị Bích	Quyền	17/09/2004	Tiền Giang	8.0	8.5	Đạt	
95	000013755	Lê Quốc	Quyết	07/03/2003	TP HCM	7.5	6.5	Đạt	
96	000013756	Nguyễn Phương	Quỳnh	17/02/1998	Đồng Nai	9.0	8.5	Đạt	
97	000013757	Trần Phương	Quỳnh	04/09/2003	Cà Mau	7.0	8.5	Đạt	
98	000013758	Nguyễn Như	Quỳnh	05/12/2002	Phú Yên	7.0	8.5	Đạt	
99	000013759	Lương Vĩ	Sơn	03/12/2004	TP HCM	8.5	9.0	Đạt	
100	000013760	Trần Thị Huyền	Sương	23/09/2005	Tiền Giang	5.5	7.5	Đạt	
101	000013761	Võ Thị Mỹ	Tâm	20/09/2005	Bến Tre	4.5		Hỏng	
102	000013762	Lâm Văn	Tấn	02/10/2004	TP HCM	7.5	5.5	Đạt	
103	000013763	Võ Thị	Tiên	15/03/2004	Tiền Giang	8.0	7.0	Đạt	
104	000013764	Võ Thị	Tiền	12/09/2004	Gia Lai	7.0	7.0	Đạt	
105	000013765	Lý Cao Trí	Toàn	11/03/2004	Hậu Giang	8.5	8.5	Đạt	
106	000013766	Phan Trần Quốc	Toàn	22/07/2005	TP HCM	8.0	8.5	Đạt	
107	000013767	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	31/08/2004	Long An	8.0	8.5	Đạt	
108	000013768	Lê Nguyễn Thanh	Tuyền	26/10/2003	TP HCM	8.0	8.5	Đạt	

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
109	000013769	Vũ Thị	Tuyết	02/10/2002	Bắc Giang	9.5	9.0	Đạt	
110	000013770	Nguyễn Phước	Ty	14/06/2001	Kiên Giang	8.5	9.0	Đạt	
111	000013771	Lê Thị Nhật	Thanh	03/11/2003	Bình Phước	7.5	8.5	Đạt	
112	000013772	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	15/04/2001	Hà Tĩnh	5.0	7.5	Đạt	
113	000013773	Thạch Thị Thanh	Thảo	06/04/2002	Đồng Tháp	8.0	7.5	Đạt	
114	000013774	Lê Phạm Hoài	Thảo	08/12/2003	Bình Phước	7.0	8.5	Đạt	
115	000013775	Huỳnh Thị Phương	Thảo	11/03/2005	Quảng Ngãi	7.5	8.0	Đạt	
116	000013776	Trương Hồng	Thảo	04/02/2004	Vĩnh Long	6.0	8.0	Đạt	
117	000013777	Lê Thị Hồng	Thắm	24/10/2003	Bình Thuận	10.0	8.5	Đạt	
118	000013778	Nguyễn Cao	Thắng	24/12/2004	Bến Tre	7.0	8.0	Đạt	
119	000013779	Phạm Anh	Thi	21/07/2001	TP HCM	7.5	5.5	Đạt	
120	000013780	Nguyễn Thị Kim	Thi	09/12/2005	Tiền Giang	6.5	5.0	Đạt	
121	000013781	Trần Đức	Thịnh	16/05/2004	Quảng Ngãi	8.0	7.5	Đạt	
122	000013782	Trương Thị Thanh	Thúy	04/03/2005	Tiền Giang	7.5	8.0	Đạt	
123	000013783	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	14/06/2003	Long An	7.5	9.0	Đạt	
124	000013784	Nguyễn Thị Anh	Thư	06/09/2003	Đồng Nai	7.0	7.5	Đạt	
125	000013785	Nguyễn Thị Anh	Thư	29/09/2005	Long An	8.5	8.0	Đạt	
126	000013786	Nguyễn Anh	Thư	10/04/2004	Đồng Nai	9.5	9.0	Đạt	
127	000013787	Lê Anh	Thư	26/12/2004	TP HCM	9.0	8.5	Đạt	
128	000013788	Nguyễn Thị Thuý	Trang	28/04/2004	TP HCM	6.0	8.5	Đạt	
129	000013789	Đoàn Thị Thùy	Trang	06/02/2005	Đồng Tháp	9.0	9.0	Đạt	
130	000013790	Nguyễn Thị Kiều	Trang	03/10/2003	TP HCM	8.5	6.5	Đạt	
131	000013791	Nguyễn Phúc Vân	Trang	15/11/2004	TP HCM	8.5	8.0	Đạt	
132	000013792	Nguyễn Phạm Xuân	Trâm	12/05/2003	Lâm Đồng			Hỏng	Vắng
133	000013793	Vũ Trần Bích	Trâm	14/04/2003	Đồng Nai	8.0	8.5	Đạt	
134	000013794	Nguyễn Thị	Trâm	13/02/2001	Ninh Thuận	6.5	6.5	Đạt	
135	000013795	Nguyễn Thị Bích	Trâm	21/10/2003	Đồng Nai	8.0	7.0	Đạt	
136	000013796	Trần Liên Ngọc	Trâm	09/01/2003	An Giang	8.0	8.5	Đạt	
137	000013797	Nguyễn Thị Hoài	Trâm	26/09/2004	Bình Định	9.5	8.5	Đạt	
138	000013798	Nguyễn Ngọc	Trâm	25/07/2004	Bến Tre	9.5	9.0	Đạt	
139	000013799	Nguyễn Bảo	Trâm	30/09/2004	Ninh Thuận	8.0	6.5	Đạt	
140	000013800	Lê Minh	Triết	22/12/2002	An Giang	9.0	8.5	Đạt	
141	000013801	Đoàn Trần Triệu	Triệu	17/06/2004	Tiền Giang	10.0	6.5	Đạt	
142	000013802	Lê Thị Tú	Trinh	05/06/2004	TP HCM	8.5	8.0	Đạt	
143	000013803	Hồ Thị	Trinh	15/10/2002	Đắk Lắk	9.0	8.0	Đạt	
144	000013804	Lê Thị Mỹ	Trinh	24/10/2005	Đắk Lắk	8.0	9.0	Đạt	
145	000013805	Lương Thị Thanh	Trúc	18/02/2004	TP HCM	6.5	5.5	Đạt	
146	000013806	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	27/04/2004	TP HCM	8.0	8.0	Đạt	

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
147	000013807	Nguyễn Thị Mai	Trúc	14/08/2004	Ninh Thuận	3.5		Hỏng	
148	000013808	Lê Minh	Trung	06/08/2001	Vĩnh Long	8.0	7.0	Đạt	
149	000013809	Nguyễn Thanh	Trung	30/12/2002	TP HCM	7.5	6.0	Đạt	
150	000013810	Nguyễn Phúc	Trung	15/11/2003	TP HCM	6.0	5.0	Đạt	
151	000013811	Nguyễn Thị Bích	Trương	19/02/2004	Ninh Thuận	6.0	8.5	Đạt	
152	000013812	Trần Vũ Duy	Uyên	18/09/2003	Bến Tre	6.5	5.5	Đạt	
153	000013813	Nguyễn Cao Bảo	Uyên	01/06/2003	Bình Định	7.5	5.0	Đạt	
154	000013814	Nguyễn Thị Hồng	Vân	16/09/2004	Ninh Thuận	7.0	7.0	Đạt	
155	000013815	Ngô Thanh	Vũ	30/07/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	7.5	6.0	Đạt	
156	000013816	Nguyễn Văn	Vũ	02/01/2001	Tây Ninh	7.5	8.0	Đạt	
157	000013817	Huỳnh Bảo Uyên	Vy	19/01/2003	TP HCM	6.5	7.0	Đạt	
158	000013818	Trần Nguyễn Yến	Vy	12/08/2002	TP HCM	7.0	7.0	Đạt	
159	000013819	Nguyễn Thị Kim	Vy	18/07/2004	Bến Tre	7.0	6.0	Đạt	
160	000013820	Trần Tường	Vy	26/09/2003	TP HCM	8.0	5.5	Đạt	
161	000013821	Cao Thụy Khánh	Vy	30/10/2004	Đồng Tháp	5.5	4.0	Hỏng	
162	000013822	Phạm Huỳnh Anh	Vy	19/11/2004	TP HCM	3.5		Hỏng	
163	000013823	Tiêu Kim	Xuyến	08/06/2004	Đồng Tháp	6.0	8.0	Đạt	
164	000013824	Trần Ngọc Như	Ý	31/10/2005	TP HCM	8.0	9.0	Đạt	

Tổng danh sách có 164 thí sinh

Tổng số thí sinh vắng ***2***

Tổng số thí sinh dự thi ***162***

Đạt: 154 ***95.1%***

Hỏng: 8 ***4.9%***